

Số: 2072 /QĐ-UBND

Huế, ngày 19 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung về đơn giản hoá về cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1768/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt phương án đơn giản hóa về cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3891/TTr-SXD ngày 10 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 187 thủ tục hành chính (TTHC) được sửa đổi, bổ sung về đơn giản hoá thời gian giải quyết thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng (Tổng thời gian được cắt giảm: 1.069/2.130,25 đạt 50.18%). Cụ thể:

1. Danh mục 143 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng;

2. Danh mục 44 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã.

(Có Danh mục TTHC kèm theo)

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị thực hiện các công việc sau:

1. Sở Xây dựng, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp thực hiện cập nhật Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC theo đúng quy định; trình Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết các TTHC.

2. Sở Xây dựng, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp; UBND phường xã có trách nhiệm niêm yết, công khai và triển khai giải quyết TTHC liên quan theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng đã công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Công thương, Nông nghiệp và Môi trường; Trưởng Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Xây dựng;
- Cục KSTTHC (Bộ Tư pháp);
- CT, các PCT UBND thành phố;
- CVP, các PCVP UBND thành phố;
- Cổng TTĐT, TTPVHCC thành phố;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Hải Minh

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI BỔ SUNG VỀ ĐƠN GIẢN HOÁ THỜI GIAN
GIẢI QUYẾT THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG**

(Kèm theo Quyết định số 2072/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

1. Danh mục thủ tục hành chính cấp tỉnh (143 TTHC):

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
I. Lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng:								
1.	Cho ý kiến về việc các công trình hết thời hạn sử dụng nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ) (1.009791)	10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận báo cáo kết quả thực hiện công việc của Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình (trong đó: Sở Xây dựng 07 ngày làm việc; UBND thành phố 03 ngày làm việc)	05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận báo cáo kết quả thực hiện công việc của Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình (trong đó: Sở Xây dựng 3,5 ngày làm việc; UBND thành phố 1,5 ngày làm việc)	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020; - Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/ 01/2026 của	UBND thành phố, Sở Xây dựng, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ban quản lý Khu kinh tế, công nghiệp	Quyết định 431/QĐ-UBND ngày 27/01/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.		
2.	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương (1.009794)	20 ngày làm việc đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt và 14 ngày làm việc đối với công trình còn lại kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu	10 ngày làm việc đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt và 07 ngày làm việc đối với công trình còn lại kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Luật Xây dựng năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020; - Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;	Sở Xây dựng; Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp	Quyết định 1563/QĐ-UBND ngày 18/5/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/ 01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng; - Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.		
II.	Lĩnh vực du lịch:							

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
3.	Thủ tục cấp biển hiệu phương tiện vận tải khách du lich bằng đường thủy nội địa (1.014190)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. - Thông tư số 42/2017/TT-BGTVT ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện của người điều khiển phương tiện, nhân viên phục vụ, trang thiết bị, chất lượng dịch vụ trên phương tiện vận tải khách du lịch.	Sở Xây dựng	Quyết định 2657/QĐ- UBND ngày 20/8/2025
4.	Thủ tục cấp đổi biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa (1.014191)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. - Thông tư số 42/2017/TT-BGTVT ngày 15/11/2017	Sở Xây dựng	Quyết định 2657/QĐ- UBND ngày 20/8/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện của người điều khiển phương tiện, nhân viên phục vụ, trang thiết bị, chất lượng dịch vụ trên phương tiện vận tải khách du lịch.		
5.	Thủ tục cấp lại biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa (1.014192)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. - Thông tư số 42/2017/TT-BGTVT ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện của người điều khiển phương tiện, nhân viên phục vụ, trang thiết bị, chất lượng dịch vụ trên phương tiện vận tải khách du lịch.	Sở Xây dựng	Quyết định 2657/QĐ-UBND ngày 20/8/2025
III.	Lĩnh vực đường bộ:							

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
6.	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác (1.000314)	07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	04 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Nghị định số 165/2025/NĐ- CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ. - Nghị định số 140/2025/NĐ- CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	Sở Xây dựng	Quyết định 1851/QĐ- UBND ngày 26/6/2025
7.	Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác (1.001046)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Thông tư số 41/2024/TT- BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ; - Thông tư số 72/2025/TT- BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày	Sở Xây dựng	Quyết định 790/QĐ- UBND ngày 04/3/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác, Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ; Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ, Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng quy		

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưỡi chõ hành khách và xe ô tô.		
8.	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác (1.001061)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ; - Thông tư số 72/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác, Thông tư số	Sở Xây dựng	Quyết định 790/QĐ-UBND ngày 04/3/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						40/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ; Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ, Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưỡi chở hành khách và xe ô tô.		
9.	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia (1.001577)	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp	Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ	Sở Xây dựng	Quyết định 1213/QĐ-UBND ngày 26/4/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		lệ theo quy định	lệ theo quy định		chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.			
10.	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo và thay đổi địa điểm đào tạo (1.001623)	- Thời hạn tổ chức kiểm tra thực tế: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định; - Thời hạn cấp lại Giấy phép: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra.	- Thời hạn tổ chức kiểm tra thực tế: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định; - Thời hạn cấp lại Giấy phép: 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra.	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Nghị định số 160/2024/NĐ- CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe	Sở Xây dựng	Quyết định 1213/QĐ- UBND ngày 26/4/2025
11.	Chấp thuận cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua	- Nghị định số 158/2025/NĐ- CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.	Sở Xây dựng	Quyết định 1851/QĐ- UBND ngày 26/6/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
	đường bộ (1.001666)				dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Nghị định số 144/2025/NĐ- CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.		
12.	Cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ (1.001692)	10 ngày làm việc	04 ngày làm việc	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Nghị định số 158/2025/NĐ- CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ. - Nghị định số 144/2025/NĐ- CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	Sở Xây dựng	Quyết định 1851/QĐ- UBND ngày 26/6/2025
13.	Cấp lại chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ (1.001717)	05 ngày làm việc	02 ngày làm việc	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Nghị định số 158/2025/NĐ- CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ. - Nghị định số 144/2025/NĐ- CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	Sở Xây dựng	Quyết định 1851/QĐ- UBND ngày 26/6/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
14.	Cấp đổi chứng chỉ thăm tra viên an toàn giao thông đường bộ (1.001725)	07 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Nghị định số 158/2025/NĐ- CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ. - Nghị định số 144/2025/NĐ- CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	Sở Xây dựng	Quyết định 1851/QĐ- UBND ngày 26/6/2025
15.	Cấp bổ sung xe tập lái, cấp lại Giấy phép xe tập lái (1.001751)	Trường hợp nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc Sở Xây dựng tổ chức kiểm tra thực tế, lập biên bản và cấp giấy phép xe tập lái cho cơ sở đào tạo	Trường hợp nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, trong thời hạn không quá 1,5 ngày làm việc Sở Xây dựng tổ chức kiểm tra thực tế, lập biên bản và cấp giấy phép xe tập lái cho cơ sở đào tạo	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Nghị định số 160/2024/NĐ- CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe	Sở Xây dựng	Quyết định 1213/QĐ- UBND ngày 26/4/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
16.	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (1.001765)	- Thời hạn Cơ sở đào tạo gửi đề nghị đến Sở Xây dựng: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc chương trình tập huấn. - Thời hạn Sở Xây dựng tổ chức kiểm tra, đánh giá: 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định. - Thời hạn cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe: 03 ngày làm việc, kể	- Thời hạn Cơ sở đào tạo gửi đề nghị đến Sở Xây dựng: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc chương trình tập huấn. - Thời hạn Sở Xây dựng tổ chức kiểm tra, đánh giá: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định. - Thời hạn cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe: 01 ngày làm việc, kể	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Nghị định số 160/2024/NĐ- CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe	Sở Xây dựng	Quyết định 1213/QĐ- UBND ngày 26/4/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		từ ngày đạt kết quả kiểm tra.	từ ngày đạt kết quả kiểm tra.					
17.	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe, cấp Giấy phép xe tập lái (1.001777)	Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Nghị định số 160/2024/NĐ- CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe	Sở Xây dựng	Quyết định 1213/QĐ- UBND ngày 26/4/2025
18.	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS (1.002046)	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Nghị định số 158/2024/NĐ- CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ	Sở Xây dựng	Quyết định 1213/QĐ- UBND ngày 26/4/2025
19.	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể	Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính	Nghị định số 158/2024/NĐ- CP ngày 18/12/2024 của	Sở Xây dựng	Quyết định 1213/QĐ- UBND

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
	tiện của Lào (1.002063)	từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định		công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ		ngày 26/4/2025
20.	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tuyến khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (1.002268)	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Nghị định số 158/2024/NĐ- CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ	Sở Xây dựng	Quyết định 1213/QĐ- UBND ngày 26/4/2025
21.	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tuyến của Lào, Campuchia (1.002286)	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ	Nghị định số 158/2024/NĐ- CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ	Sở Xây dựng	Quyết định 1213/QĐ- UBND ngày 26/4/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
					công Quốc gia.			
22.	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào (1.002856)	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Nghị định số 158/2024/NĐ- CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ	Sở Xây dựng	Quyết định 1213/QĐ- UBND ngày 26/4/2025
23.	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (1.004993)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Nghị định số 160/2024/NĐ- CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe	Sở Xây dựng	Quyết định 1213/QĐ- UBND ngày 26/4/2025
24.	Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một	Trong thời hạn 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua	- Thông tư số 22/2014/TT- BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng quy trình vận hành,	Sở Xây dựng	Quyết định 790/QĐ- UBND ngày 04/3/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
	lưỡi chở hành khách và xe ô tô (1.005021)	theo quy định	theo quy định		dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưỡi chở hành khách và xe ô tô. - Thông tư số 72/2025/TT- BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác, Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ; Thông tư số 41/2024/TT-		

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ, Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưỡi chở hành khách và xe ô tô.		
25.	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi về tên của cơ sở đào tạo (1.005210)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe	Sở Xây dựng	Quyết định 1213/QĐ-UBND ngày 26/4/2025
26.	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt	Trong thời hạn 02 ngày	Trong thời hạn 01 ngày	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của	Sở Xây dựng	Quyết định 1213/QĐ-

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
	Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới (1.010707)	làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định		vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trục tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ		UBND ngày 26/4/2025
27.	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác (1.013061)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trục tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ; - Thông tư số 72/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm	Sở Xây dựng	Quyết định 790/QĐ-UBND ngày 04/3/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác, Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ; Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ, Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưỡi chõ hành khách và xe ô tô.		

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
28.	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác (1.013274)	- 01 ngày đối với đám tang; - 05 ngày làm việc đối với các trường hợp khác	- 01 ngày đối với đám tang; - 02 ngày làm việc đối với các trường hợp khác	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ. - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	Sở Xây dựng	Quyết định 1851/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
29.	Chấp thuận bổ sung vị trí nút giao đầu nối vào đường cao tốc (1.013276)	Trường hợp không phải lấy ý kiến: 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đúng quy định (trong đó 05 ngày làm việc tại Sở Xây	Trường hợp không phải lấy ý kiến: 3,5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đúng quy định (trong đó 2,5 ngày làm việc tại Sở Xây	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.	Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Xây dựng	Quyết định 1213/QĐ-UBND ngày 26/4/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		dừng; 02 ngày làm việc tại UBND thành phố Huế). - Trường hợp phải lấy ý kiến: + Thời hạn tiến hành lấy ý kiến: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ thành phần hồ sơ; + Thời hạn cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến trả lời: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan	dừng; 01 ngày làm việc tại UBND thành phố Huế). - Trường hợp phải lấy ý kiến: + Thời hạn tiến hành lấy ý kiến: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ thành phần hồ sơ; + Thời hạn cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến trả lời: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan					

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		có thẩm quyền. + Thời hạn có văn bản chấp thuận: 07 ngày sau khi nhận được ý kiến của các cơ quan.	có thẩm quyền. + Thời hạn có văn bản chấp thuận: 07 ngày sau khi nhận được ý kiến của các cơ quan.					
30.	Chấp thuận đấu nối đối với trường hợp kết nối với đường bộ không có trong các quy hoạch (1.013277)	Trường hợp không phải lấy ý kiến: 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đúng quy định (trong đó 05 ngày làm việc tại Sở Xây dựng; 02 ngày làm việc tại UBND	Trường hợp không phải lấy ý kiến: 3,5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đúng quy định (trong đó 2,5 ngày làm việc tại Sở Xây dựng; 01 ngày làm việc tại UBND	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Nghị định số 165/2024/NĐ- CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.	Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Xây dựng	Quyết định 1213/QĐ- UBND ngày 26/4/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		thành phố Huế). - Trường hợp phải lấy ý kiến: + Thời hạn tiến hành lấy ý kiến: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ thành phần hồ sơ; + Thời hạn cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến trả lời: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan có thẩm quyền. + Thời hạn có văn bản chấp thuận:	thành phố Huế). - Trường hợp phải lấy ý kiến: + Thời hạn tiến hành lấy ý kiến: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ thành phần hồ sơ; + Thời hạn cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến trả lời: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan có thẩm quyền. + Thời hạn có văn bản chấp thuận:					

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		07 ngày sau khi nhận được ý kiến của các cơ quan.	07 ngày sau khi nhận được ý kiến của các cơ quan.					
31.	Cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ (trường hợp cơ sở đào tạo đã cấp chứng chỉ không còn hoạt động) (2.000769)	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 72/201 1/TTL T - BTC- BGTV T ngày 27/5/2 011 của Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải hướng	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Thông tư số 14/2025/TTBXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về đào tạo lái xe; bồi dưỡng, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ. - Thông tư liên tịch số 72/2011/TTLTBTC-BGTVT ngày 27 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đào tạo lái xe cơ giới đường bộ.	Sở Xây dựng	Quyết định 2483/QĐ- UBND ngày 07/8/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
				dẫn cơ chế quản lý tài chính đào tạo lái xe cơ giới đường bộ.				
32.	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình	07 ngày làm việc	04 ngày làm việc	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ. - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	Sở Xây dựng	Quyết định 1851/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
	đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bán xích lưu hành trên đường bộ (2.001921)							
33.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi (2.002286)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Nghị định số 158/2024/NĐ- CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ	Sở Xây dựng	Quyết định 1213/QĐ- UBND ngày 26/4/2025
34.	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ (1.000703)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ	Nghị định số 158/2024/NĐ- CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ	Sở Xây dựng	Quyết định 1213/QĐ- UBND ngày 26/4/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
					công Quốc gia.			
35.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng (2.002287)	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trục tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ	Sở Xây dựng	Quyết định 1213/QĐ-UBND ngày 26/4/2025
36.	Cấp, cấp lại Phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải (2.002288)	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trục tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ	Sở Xây dựng	Quyết định 1213/QĐ-UBND ngày 26/4/2025
37.	Đăng ký khai thác vận tải hành khách cố định (2.002285)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ	Sở Xây dựng	Quyết định 1213/QĐ-UBND ngày 26/4/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		theo quy định.	theo quy định.		dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.			
38.	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ (1.013259)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (trong đó 03 ngày đối với Sở Xây dựng, 02 ngày đối với UBND thành phố)	2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (trong đó 1,5 ngày đối với Sở Xây dựng, 01 ngày đối với UBND thành phố)	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Nghị định số 161/2024/NĐ- CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	UBND thành phố, Sở Xây dựng	Quyết định 239/QĐ- UBND ngày 23/01/2025
39.	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào (1.002861)	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ	Nghị định số 158/2024/NĐ- CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ	Sở Xây dựng	Quyết định 1213/QĐ- UBND ngày 26/4/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
					công Quốc gia.			
40.	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép (1.013260)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (trong đó 02 ngày đối với Sở Xây dựng, 01 ngày đối với UBND thành phố).	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (trong đó 01 ngày đối với Sở Xây dựng, 01 ngày đối với UBND thành phố).	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	UBND thành phố, Sở Xây dựng	Quyết định 239/QĐ-UBND ngày 23/01/2025
41.	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác (1.000660)	- Thời hạn kiểm tra: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định. - Thời hạn công bố: + Trường hợp quyết định công	- Thời hạn kiểm tra: trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định. - Thời hạn công bố: + Trường hợp quyết định công	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác. - Thông tư số 72/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây	Sở Xây dựng	Quyết định 790/QĐ-UBND ngày 04/3/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		bố: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra. + Trường hợp thông báo cho đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe khách: trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra.	bố: trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra. + Trường hợp thông báo cho đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe khách: trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra.			dựng sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác, Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ; Thông tư số 41/2024/TT- BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ, Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày		

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						06 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưỡi chở hành khách và xe ô tô.		
42.	Công bố lại bến xe khách (1.000672)	- Thời hạn kiểm tra: trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định. - Thời hạn công bố: + Trường hợp quyết định công bố: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết	- Thời hạn kiểm tra: trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định. - Thời hạn công bố: + Trường hợp quyết định công bố: trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày kết	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác. - Thông tư số 72/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải	Sở Xây dựng	Quyết định 790/QĐ-UBND ngày 04/3/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		thúc kiểm tra. + Trường hợp thông báo cho đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe khách: trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra.	thúc kiểm tra. + Trường hợp thông báo cho đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe khách: trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra.			quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác, Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ; Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ, Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông		

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						sử dụng phà một lượt chở hành khách và xe ô tô.		
IV. Lĩnh vực đường sắt:								
43.	Bãi bỏ đường ngang (1.000294)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (trong đó 03 ngày đối với Sở Xây dựng, 02 ngày đối với UBND thành phố)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (trong đó 01 ngày đối với Sở Xây dựng, 01 ngày đối với UBND thành phố)	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Công Dịch vụ công Quốc gia.	- Luật Đường sắt số 95/2025/QH15. - Thông tư số 34/2025/TTBXĐ ngày 14/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt.	Chủ tịch UBND thành phố, Sở Xây dựng	Quyết định 3906/QĐ- UBND ngày 23/12/2025
44.	Gia hạn giấy phép kết nối, bãi bỏ kết nối các tuyến đường sắt (1.004681)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (trong đó 03 ngày đối với Sở Xây dựng; 02 ngày đối	2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (trong đó 1,5 ngày đối với Sở Xây dựng; 01 ngày đối	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Công Dịch vụ công Quốc gia.	- Luật Đường sắt số 95/2025/QH15. - Thông tư số 34/2025/TTBXĐ ngày 14/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt.	Chủ tịch UBND thành phố, Sở Xây dựng	Quyết định 3906/QĐ- UBND ngày 23/12/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		với UBND thành phố)	với UBND thành phố)					
45.	Cấp Giấy phép kết nối các tuyến đường sắt (1.004685)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (trong đó 07 ngày đối với Sở Xây dựng; 03 ngày đối với UBND thành phố).	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (trong đó 3,5 ngày đối với Sở Xây dựng; 1,5 ngày đối với UBND thành phố).	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Luật Đường sắt số 95/2025/QH15. - Thông tư số 34/2025/TTBXD ngày 14/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt.	Chủ tịch UBND thành phố, Sở Xây dựng	Quyết định 3906/QĐ- UBND ngày 23/12/2025
46.	Cấp Giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang (1.005126)	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (trong đó 05 ngày đối với Sở Xây dựng; 03 ngày đối với UBND thành phố).	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (trong đó 2,5 ngày đối với Sở Xây dựng; 1,5 ngày đối với UBND thành phố).	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Luật Đường sắt số 95/2025/QH15. - Thông tư số 34/2025/TTBXD ngày 14/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt.	Chủ tịch UBND thành phố, Sở Xây dựng	Quyết định 3906/QĐ- UBND ngày 23/12/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
47.	Cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu, dùng chung với đường sắt (1.005134)	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (trong đó 05 ngày đối với Sở Xây dựng; 03 ngày đối với UBND thành phố).	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (trong đó 2,5 ngày đối với Sở Xây dựng; 1,5 ngày đối với UBND thành phố).	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Luật Đường sắt số 95/2025/QH15. - Thông tư số 34/2025/TTBXD ngày 14/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt.	Chủ tịch UBND thành phố, Sở Xây dựng	Quyết định 3906/QĐ-UBND ngày 23/12/2025
48.	Gia hạn giấy phép xây dựng công trình thiết yếu, dùng chung đường sắt (1.005123)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (trong đó 02 ngày đối với Sở Xây dựng, 01 ngày đối với UBND thành phố).	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (trong đó 01 ngày đối với Sở Xây dựng, 01 ngày đối với UBND thành phố).	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Luật Đường sắt số 95/2025/QH15. - Thông tư số 34/2025/TTBXD ngày 14/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt.	Chủ tịch UBND thành phố, Sở Xây dựng	Quyết định 3906/QĐ-UBND ngày 23/12/2025
49.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao	- Đối với cấp lại Giấy chứng nhận	- Đối với cấp lại Giấy chứng nhận	120.00 0 đồng/0	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính	- Luật Đường sắt số 95/2025/QH15.	Chủ tịch UBND thành	Quyết định 3906/QĐ-UBND

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
	thông đường sắt (1.004844)	đăng ký trường hợp chuyển quyền sở hữu, phương tiện thay đổi tính năng sử dụng hoặc thay đổi các thông số kỹ thuật chủ yếu, Giấy chứng nhận đăng ký bị hư hỏng: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và đúng theo quy định (trong đó 02 ngày đối với Sở Xây	đăng ký trường hợp chuyển quyền sở hữu, phương tiện thay đổi tính năng sử dụng hoặc thay đổi các thông số kỹ thuật chủ yếu, Giấy chứng nhận đăng ký bị hư hỏng: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và đúng theo quy định (trong đó 02 ngày đối với Sở Xây	1 Giấy chứng nhận	công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; - Thông tư số 33/2025/TTBXD ngày 14/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý, khai thác vận tải đường sắt.	phố, Sở Xây dựng	ngày 23/12/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		dụng, 01 ngày đối với UBND thành phố). - Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị mất: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cấp cho chủ sở hữu Giấy xác nhận đã khai báo mất Giấy chứng	dụng, 01 ngày đối với UBND thành phố). - Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị mất: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cấp cho chủ sở hữu Giấy xác nhận đã khai báo mất Giấy chứng					

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		nhận đăng ký phương tiện theo mẫu quy định. Thời gian cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện là 30 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, đúng quy định (trong đó 20 ngày đối với Sở Xây dựng, 10 ngày đối với UBND thành phố).	nhận đăng ký phương tiện theo mẫu quy định. Thời gian cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện là 10 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, đúng quy định (trong đó 07 ngày đối với Sở Xây dựng, 03 ngày đối với UBND thành phố).					

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
V.	Lĩnh vực hàng hải và đường thủy nội địa:							
50.	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa (1.009442)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa	Sở Xây dựng	Quyết định 1213/QĐ-UBND ngày 26/4/2025
51.	Phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng trên đường thủy nội địa (1.000344)	02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	01 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Luật Giao thông đường thủy nội địa; - Nghị định số 110/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa; - Thông tư số 61/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hàng hóa trên đường thủy nội địa.	Sở Xây dựng	Quyết định 1213/QĐ-UBND ngày 26/4/2025
52.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận	70.000 đồng/Giấy	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông	Sở Xây dựng	Quyết định 1851/QĐ-UBND

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
	phương tiện (1.003930)	được hồ sơ hợp lệ	được hồ sơ hợp lệ	chứng nhận	công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 60/2024/TT- BGTVT ngày 17/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa và quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT- BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; - Thông tư số 09/2025/TT- BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các		ngày 26/6/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.		
53.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện (1.003970)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	70.000 đồng/ Giấy chứng nhận	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT ngày 17/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa và quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa;	Sở Xây dựng	Quyết định 1851/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; - Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.		
54.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện (1.004002)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	70.000 đồng/ Giấy chứng nhận	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT ngày 17/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông	Sở Xây dựng	Quyết định 1851/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
					Công Dịch vụ công Quốc gia.	vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa và quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; - Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và		

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						phân cấp cho chính quyền địa phương.		
55.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa (1.004036)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	70.000 đồng/ Giấy chứng nhận	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT ngày 17/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa và quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí,	Sở Xây dựng	Quyết định 1851/QĐ- UBND ngày 26/6/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; - Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.		
56.	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa (1.004047)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	70.000 đồng/ Giấy chứng nhận	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT ngày 17/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa và quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển	Sở Xây dựng	Quyết định 1851/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; - Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.		
57.	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận	70.000 đồng/Giấy	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông	Sở Xây dựng	Quyết định 1851/QĐ-UBND

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
	khai thác trên đường thủy nội địa (1.004088)	được hồ sơ hợp lệ	được hồ sơ hợp lệ	chứng nhận	công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 60/2024/TT- BGTVT ngày 17/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa và quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT- BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; - Thông tư số 09/2025/TT- BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các		ngày 26/6/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.		
58.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác (1.006391)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	70.000 đồng/ Giấy chứng nhận	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trục tuyến qua Công Dịch vụ công Quốc gia.	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT ngày 17/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa và quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa;	Sở Xây dựng	Quyết định 1851/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; - Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.		
59.	Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, thông số kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ	- Cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: + Trong thời hạn 05 ngày	- Cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: + Trong thời hạn 2,5 ngày	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa	Sở Xây dựng	Quyết định 1213/QĐ-UBND ngày 26/4/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
	thuật cảng thủy nội địa (1.009446)	làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo Bộ Xây dựng; + Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo thẩm định, Bộ Xây dựng ban hành quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa; - Cảng thủy nội địa	làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo Bộ Xây dựng; + Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo thẩm định, Bộ Xây dựng ban hành quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa; - Cảng thủy nội địa		Cổng Dịch vụ công Quốc gia.			

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Xây dựng ban hành quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa.	không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Xây dựng ban hành quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa.					
60.	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa (1.009447)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ	- Nghị định số 08/2021/NĐ- CP của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa. - Nghị định số 06/2024/NĐ- CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP	Sở Xây dựng	Quyết định 1851/QĐ- UBND ngày 26/6/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
					công Quốc gia.	ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa. - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.		
61.	Công bố đóng khu neo đậu (1.009450)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị của chủ đầu tư khu neo đậu.	Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị của chủ đầu tư khu neo đậu.	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.	Sở Xây dựng	Quyết định 1851/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
62.	Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.	Sở Xây dựng	Quyết định 1213/QĐ-UBND ngày 26/4/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
	trên đường thủy nội địa (1.009451)	theo quy định	theo quy định		chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.			
63.	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa trường hợp không còn nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài (1.009458)	- 05 ngày làm việc, Bộ xây dựng có văn bản chấp thuận gửi chủ cảng - 05 ngày làm việc, Sở ban hành quyết định công bố hoạt động cảng.	- 05 ngày làm việc, Bộ xây dựng có văn bản chấp thuận gửi chủ cảng - 2,5 ngày làm việc, Sở ban hành quyết định công bố hoạt động cảng.	100.00 0 đồng/lầ n	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Nghị định số 08/2021/NĐ- CP của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa. - Thông tư số 198/2016/TT- BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.	Sở Xây dựng	Quyết định 1213/QĐ- UBND ngày 26/4/2025
64.	Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương (1.009459)	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo Ủy	- Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo Ủy	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Nghị định số 08/2021/NĐ- CP của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.	UBND thành phố, Sở Xây dựng	Quyết định 1213/QĐ- UBND ngày 26/4/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		ban nhân dân cấp tỉnh; - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định công bố mở luồng.	ban nhân dân cấp tỉnh; - Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định công bố mở luồng.					
65.	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng (1.009460)	- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì báo	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì báo	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.	UBND thành phố, Sở Xây dựng	Quyết định 1213/QĐ-UBND ngày 26/4/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định công bố đóng luồng theo phạm vi quản lý.	cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định công bố đóng luồng theo phạm vi quản lý.					
66.	Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng (1.009461)	Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ chức, cá nhân có	Trong thời gian 1,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ chức, cá	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua	Nghị định số 08/2021/NĐ- CP của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.	Sở Xây dựng	Quyết định 1213/QĐ- UBND ngày 26/4/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		luồng chuyên dùng.	nhân có luồng chuyên dùng.		Cổng Dịch vụ công Quốc gia.			
67.	Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa (1.009463)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Nghị định số 08/2021/NĐ- CP của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.	Sở Xây dựng	Quyết định 1213/QĐ- UBND ngày 26/4/2025
68.	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông (1.009465)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Nghị định số 08/2021/NĐ- CP của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa. - Nghị định số 140/2025/NĐ- CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	Sở Xây dựng	Quyết định 1851/QĐ- UBND ngày 26/6/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
69.	Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn (1.013466)	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (trong đó: 03 ngày làm việc tại Sở Xây dựng; 05 ngày tại UBND thành phố)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (trong đó: 03 ngày làm việc tại Sở Xây dựng; 02 ngày tại UBND thành phố)	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015; - Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải; - Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất,	UBND thành phố, Sở Xây dựng	Quyết định 1578/QĐ- UBND ngày 19/5/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng. - Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.		
70.	Xóa đăng ký phương (2.001659)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có)	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có)	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT ngày 17/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa và quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ	Sở Xây dựng	Quyết định 1851/QĐ- UBND ngày 26/6/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 09/2025/TT- BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.		
71.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật (2.001711)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có)	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có)	70.000 đồng/ Giấy chứng nhận	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Thông tư số 75/2014/TT- BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 60/2024/TT- BGTVT ngày 17/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa và quy định thi,	Sở Xây dựng	Quyết định 1851/QĐ- UBND ngày 26/6/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; - Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.		
72.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở	Trong thời hạn không	Trong thời hạn không	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục	- Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của	UBND thành	Quyết định 552/QĐ-

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
	đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (2.002001)	quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (trong đó: 05 ngày làm việc đối với Sở Xây dựng; 02 ngày làm việc đối với UBND thành phố).	quá 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (trong đó: 2,5 ngày làm việc đối với Sở Xây dựng; 01 ngày làm việc đối với UBND thành phố).		vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Nghị định số 128/2018/NĐ- CP ngày 24/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa. - Thông tư số 01/2017/TT- BGTVT ngày 20/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống phòng học chuyên môn, phòng thi, kiểm tra; xưởng thực hành; khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy của cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa. - Thông tư số 64/2024/TT- BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định nội dung,	phố, Sở Xây dựng	UBND ngày 06/02/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa. - Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.		
73.	Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu (1.009443)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của chủ cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của chủ cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa	Sở Xây dựng	Quyết định 1213/QĐ-UBND ngày 26/4/2025
74.	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa (1.009444)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận	Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận	100.000 đồng (phí thăm	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.	Sở Xây dựng	Quyết định 1851/QĐ-UBND

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		đủ hồ sơ theo quy định.	đủ hồ sơ theo quy định.	tra, thẩm định)	phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	- Nghị định số 06/2024/NĐ- CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa. - Nghị định số 140/2025/NĐ- CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.		ngày 26/6/2025
75.	Công bố hoạt động khu neo đậu (1.009449)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	- Nghị định số 08/2021/NĐ- CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa. - Nghị quyết số 24/2026/NQ- CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng,	Sở Xây dựng	Quyết định 1578/QĐ- UBND ngày 19/5/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						ngoại giao, tư pháp, ngân hàng		
76.	Thiết lập khu neo đậu (1.009448)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Nghị định số 08/2021/NĐ- CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa	Sở Xây dựng	Quyết định 1213/QĐ- UBND ngày 26/4/2025
77.	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa (2.002615)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (trong đó 03 ngày đối với Sở Xây dựng, 02 ngày đối với UBND thành phố)	2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (trong đó 1,5 ngày đối với Sở Xây dựng, 01 ngày đối với UBND thành phố)	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Nghị định số 34/2024/NĐ- CP ngày 31/3/2024 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hoá nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa. - Nghị định 161/2024/NĐ- CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho	UBND thành phố, Sở Xây dựng	Quyết định 1578/QĐ- UBND ngày 19/5/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ. - Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.		
78.	Đăng ký vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo (2.000795)	09 ngày làm việc	04 ngày làm việc	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	- Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015. - Thông tư số 16/2013/TT-BGTVT ngày 30/7/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam. - Thông tư số 05/2017/TT-BGTVT ngày 21/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TTBGTVT ngày	Sở Xây dựng	Quyết định 1851/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						30/7/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam. - Thông tư số 08/2022/TT-BGTVT ngày 16/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải. - Thông tư số 10/2024/TT-BGTVT ngày 10/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam. - Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản		

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.		
79.	Phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động (1.013467)	Chậm nhất 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trục tuyến qua Công Dịch vụ công Quốc gia.	- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015; - Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải; - Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của	Sở Xây dựng	Quyết định 1578/QĐ-UBND ngày 19/5/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng. - Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.		
80.	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa (1.009456)	- Đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: + Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận	- Đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: + Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận	100.00 0 đồng/lần n	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí,	Sở Xây dựng	Quyết định 1578/QĐ-UBND ngày 19/5/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		đủ hồ sơ theo quy định, Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo Bộ Xây dựng; + Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo thẩm định, Bộ Xây dựng ban hành quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa. - Đối với cảng thủy nội địa không tiếp	đủ hồ sơ theo quy định, Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo Bộ Xây dựng; + Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo thẩm định, Bộ Xây dựng ban hành quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa. - Đối với cảng thủy nội địa không tiếp			lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; - Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.		

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Xây dựng ban hành quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa.	nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Xây dựng ban hành quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa.					
81.	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa (1.004242)	- Đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: + Trong thời hạn 05 ngày	- Đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: + Trong thời hạn 2,5 ngày	100.00 0 đồng/là n	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ	- Nghị định số 08/2021/NĐ- CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT- BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí,	Sở Xây dựng	Quyết định 1578/QĐ- UBND ngày 19/5/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo Bộ Xây dựng; + Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo thẩm định, Bộ Xây dựng ban hành quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa. - Đối với cảng thủy	làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo Bộ Xây dựng; + Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo thẩm định, Bộ Xây dựng ban hành quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa. - Đối với cảng thủy		công Quốc gia.	lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; - Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.		

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Xây dựng ban hành quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa.	nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Xây dựng ban hành quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa.					
82.	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải (1.001223)	Trong thời hạn 09 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (trong đó: 07 ngày làm việc đối	Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (trong đó: 03 ngày làm việc đối	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua	- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25/11/2015; - Nghị định số 70/2016/NĐ- CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về điều kiện cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải;	UBND thành phố, Sở Xây dựng	Quyết định 552/QĐ- UBND ngày 06/02/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		với Sở Xây dựng; 02 ngày làm việc đối với UBND thành phố).	với Sở Xây dựng; 01 ngày làm việc đối với UBND thành phố).		Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Nghị định số 144/2025/NĐ- CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. - Nghị định số 14/2026/NĐ- CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.		
83.	Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn (1.003135)	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	- Cấp mới, cấp lại chứng chỉ chuyên môn: 20.000 đồng/g iấy - Cấp	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Thông tư số 40/2019/TT- BGTVT ngày 15/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa;	Sở Xây dựng, cơ sở đào tạo	Quyết định 1851/QĐ- UBND ngày 26/6/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
				mới, cấp lại chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng: 50.000 đồng/g iấy		- Thông tư số 38/2023/TT-BGTVT ngày 18/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2019/TT-BGTVT ngày 15/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT ngày 17/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa và quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa;		

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; - Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.		
84.	Chấp thuận đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương (2.002624)	Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của tổ chức, doanh nghiệp	Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của tổ chức, doanh nghiệp	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ	- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25/11/2015; - Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17/6/2014; - Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024 của	UBND thành phố, Sở Xây dựng	Quyết định 1578/QĐ-UBND ngày 19/5/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		(trong đó: 06 ngày làm việc tại Sở Xây dựng; 04 ngày tại UBND thành phố).	(trong đó: 03 ngày làm việc tại Sở Xây dựng; 02 ngày tại UBND thành phố).		công Quốc gia.	Chính phủ quy định về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa; - Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/1/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng; - Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.		
85.	Công bố khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ (2.002625)	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành	- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25/11/2015; - Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004; Luật	UBND thành phố, Sở Xây dựng	Quyết định 1578/QĐ-UBND

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		đầy đủ hồ sơ theo quy định (trong đó: 10 ngày làm việc tại Sở Xây dựng; 05 ngày tại UBND thành phố).	đầy đủ hồ sơ theo quy định (trong đó: 05 ngày làm việc tại Sở Xây dựng; 02 ngày tại UBND thành phố).		phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Công Dịch vụ công Quốc gia.	sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17/6/2014; - Nghị định số 57/2024/NĐ- CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa; - Nghị định số 14/2026/NĐ- CP ngày 13/1/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng; - Nghị quyết số 24/2026/NQ- CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.		ngày 19/5/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
86.	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa (1.009462)	- Cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. - Cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: + Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Xây	- Cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. - Cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: + Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Xây	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa	Sở Xây dựng	Quyết định 1213/QĐ-UBND ngày 26/4/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		dựng thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì gửi báo cáo kết quả thẩm định và 01 bộ hồ sơ về Bộ Xây dựng. + Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Sở Xây dựng, Bộ Xây dựng lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về bảo đảm quốc	dựng thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì gửi báo cáo kết quả thẩm định và 01 bộ hồ sơ về Bộ Xây dựng. + Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Sở Xây dựng, Bộ Xây dựng lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về bảo đảm quốc					

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		phòng, an ninh đối với việc xây dựng cảng thủy nội địa; trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Bộ Xây dựng, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có ý kiến bằng văn bản gửi Bộ Xây dựng. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn	phòng, an ninh đối với việc xây dựng cảng thủy nội địa; trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Bộ Xây dựng, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có ý kiến bằng văn bản gửi Bộ Xây dựng. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn					

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		bản thống nhất của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Xây dựng ban hành văn bản thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng gửi chủ đầu tư.	bản thống nhất của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Xây dựng ban hành văn bản thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng gửi chủ đầu tư.					
87.	Chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển (2.001802)	- Trong thời gian 15 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có văn bản trả lời về việc chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất	- Trong thời gian 07 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có văn bản trả lời về việc chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Công Dịch vụ công Quốc gia.	- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25/11/2015; - Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17/6/2014; - Nghị định số 57/2024/NĐ- CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động nạo vét trong	UBND thành phố, Sở Xây dựng	Quyết định 1578/QĐ- UBND ngày 19/5/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển phù hợp cho chủ đầu tư dự án, công trình (trong đó: 10 ngày làm việc tại Sở Xây dựng; 05 ngày tại UBND thành phố). - Đối với việc chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét cho dự án, công trình nạo vét khẩn cấp: sau khi nhận được đề xuất của chủ đầu	nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển phù hợp cho chủ đầu tư dự án, công trình (trong đó: 05 ngày làm việc tại Sở Xây dựng; 02 ngày tại UBND thành phố). - Đối với việc chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét cho dự án, công trình nạo vét khẩn cấp: sau khi nhận được đề xuất của chủ đầu			vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa; - Nghị định số 14/2026/NĐ- CP ngày 13/1/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng; - Nghị quyết số 24/2026/NQ- CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.		

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		tư, chậm nhất sau 03 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời về việc chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét cho dự án, công trình (trong đó: 02 ngày làm việc tại Sở Xây dựng; 01 ngày tại UBND thành phố).	tư, chậm nhất sau 03 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời về việc chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét cho dự án, công trình (trong đó: 02 ngày làm việc tại Sở Xây dựng; 01 ngày tại UBND thành phố).					
88.	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa (1.009464)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;	Sở Xây dựng	Quyết định 1578/QĐ-UBND ngày 19/5/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		theo quy định.	theo quy định.		dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Nghị quyết số 24/2026/NQ- CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.		
89.	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải (2.001219)	+ Thời hạn Sở Xây dựng gửi văn bản lấy ý kiến đến Chi cục Đường thủy nội địa khu vực hoặc Cảng vụ hàng hải khu vực: 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ. + Thời hạn Chi cục	+ Thời hạn Sở Xây dựng gửi văn bản lấy ý kiến đến Chi cục Đường thủy nội địa khu vực hoặc Cảng vụ hàng hải khu vực: 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ. + Thời hạn Chi cục	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã hoặc qua dịch vụ Bru chính công ích hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công.	- Nghị định số 48/2019/NĐ- CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; - Nghị định số 19/2024/NĐ- CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước.	Sở Xây dựng	Quyết định 1213/QĐ- UBND ngày 26/4/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		Đường thủy nội địa khu vực hoặc Cảng vụ hàng hải khu vực có văn bản trả lời: 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Sở Xây dựng. + Thời hạn Sở Xây dựng ra văn bản chấp thuận: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Chi cục Đường thủy nội địa khu	Đường thủy nội địa khu vực hoặc Cảng vụ hàng hải khu vực có văn bản trả lời: 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Sở Xây dựng. + Thời hạn Sở Xây dựng ra văn bản chấp thuận: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Chi cục Đường thủy nội địa khu					

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		vực hoặc Cảng vụ hàng hải khu vực, hoặc kể từ ngày hết thời gian quy định xin ý kiến.	vực hoặc Cảng vụ hàng hải khu vực, hoặc kể từ ngày hết thời gian quy định xin ý kiến.					
90.	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép (2.002616)	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (trong đó 02 ngày đối với Sở Xây dựng, 01 ngày đối với UBND thành phố)	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (trong đó 01 ngày đối với Sở Xây dựng, 01 ngày đối với UBND thành phố)	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Nghị định số 34/2024/NĐ- CP ngày 31/3/2024 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hoá nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa. - Nghị định 161/2024/NĐ- CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ.	UBND thành phố, Sở Xây dựng	Quyết định 1578/QĐ- UBND ngày 19/5/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						- Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.		
VI.		Lĩnh vực hoạt động xây dựng:						
91.	Cấp giấy phép xây dựng mới công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý	- Hình thức nộp trực tuyến: không đồng; - Hình thức khác: 150.000 đồng/giấy phép.	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi	Sở Xây dựng và Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp	Quyết định 431/QĐ-UBND ngày 27/01/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
	thị/Dự án) (1.013236)	do nhưng không được quá 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định.	do nhưng không được quá 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định.			hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; - Nghị định số 144/2025/NĐ- CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 14/2026/NĐ- CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng; - Nghị quyết số 21/2024/NQ- HĐND ngày 15/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về quy định mức thu, nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; - Nghị quyết số 17/2025/NQ- HĐND ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân		

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						thành phố Huế quy định mức thu lệ phí không đồng khi thực hiện thủ tục hành chính thông qua Dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn thành phố Huế.		
92.	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) (1.013238)	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không được quá 10 ngày kể từ ngày	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không được quá 10 ngày kể từ ngày	- Hình thức nộp trực tuyến: không (0) đồng; - Hình thức khác: 150.000 đồng/giấy phép.	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản	Sở Xây dựng và Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp	Quyết định 431/QĐ-UBND ngày 27/01/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		hết thời hạn quy định.	hết thời hạn quy định.			lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng; - Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 15/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về quy định mức thu, nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; - Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế quy định mức thu lệ phí không đồng khi thực hiện thủ tục hành chính thông qua Dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn thành phố Huế.		

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
93.	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) (1.013230)	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không được quá 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định.	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không được quá 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định.	- Hình thức nộp trực tuyến: không (0) đồng; - Hình thức khác: 150.000 đồng/giấy phép.	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị	Sở Xây dựng và Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp	Quyết định 431/QĐ-UBND ngày 27/01/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng; - Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 15/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về quy định mức thu, nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; - Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế quy định mức thu lệ phí không đồng khi thực hiện thủ tục hành chính thông qua Dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn thành phố Huế.		
94.	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xem xét	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xem xét	- Hình thức nộp trực tuyến: không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH113 và Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;	Sở Xây dựng và Ban Quản lý khu kinh tế,	Quyết định 431/QĐ-UBND ngày 27/01/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
	tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) (1.013231)	thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không được quá 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định.	thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không được quá 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định.	(0) đồng; - Hình thức khác: 150.00 0 đồng/g iấy phép.	chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;	công nghiệp	

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						- Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 15/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về quy định mức thu, nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; - Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế quy định mức thu lệ phí không đồng khi thực hiện thủ tục hành chính thông qua Dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn thành phố Huế.		
95.	Cấp mới chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (1.013237)	- Trả kết quả đánh giá hồ sơ (thông báo kết quả đánh giá hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề đủ/không đủ điều kiện sát	- Trả kết quả đánh giá hồ sơ (thông báo kết quả đánh giá hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề đủ/không đủ điều kiện sát	- Lệ phí nộp hồ sơ theo quy định tại Tiểu mục 21.3 Mục III	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;	Sở Xây dựng hoặc Tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện đối với chứng chỉ hành nghề	Quyết định 431/QĐ-UBND ngày 27/01/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		hạch, thông báo thời điểm tổ chức thi sát hạch): 45 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ. - Trả chứng chỉ hành nghề (cá nhân đạt sát hạch): 10 ngày kể từ ngày có kết quả sát hạch đạt yêu cầu.	hạch, thông báo thời điểm tổ chức thi sát hạch): 30 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ. - Trả chứng chỉ hành nghề (cá nhân đạt sát hạch): 05 ngày kể từ ngày có kết quả sát hạch đạt yêu cầu.	Bảng B Phụ lục số 01 của Luật Phí và Lệ phí năm 2015. - Chi phí sát hạch theo quy định của Bộ Xây dựng.		- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.	hạng II, Hạng III.	
96.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (1.013217)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Lệ phí nộp hồ sơ theo quy định tại Tiêu mục 21.3 Mục	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi	Sở Xây dựng hoặc Tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện đối với chứng chỉ	Quyết định 431/QĐ-UBND ngày 27/01/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
				III Bảng B Phụ lục số 01 của Luật Phí và Lệ phí năm 2015	công Quốc gia.	hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Nghị định số 144/2025/NĐ- CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 14/2026/NĐ- CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.	hành nghề hạng II, Hạng III.	
97.	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (1.013219)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Lệ phí nộp hồ sơ theo quy định tại Tiêu mục 21.3 Mục III	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH113 và Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; - Nghị định số 175/2024/NĐ- CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi	Sở Xây dựng hoặc Tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện đổi với chứng chỉ hành	Quyết định 431/QĐ- UBND ngày 27/01/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
				Bảng B Phụ lục số 01 của Luật Phí và Lệ phí năm 2015		hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Nghị định số 144/2025/NĐ- CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 14/2026/NĐ- CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.	nghe hạng II, Hạng III.	
98.	Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài (1.013224)	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Theo quy định tại Thông tư 38/202 2/TT- BTC ngày	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng. - Nghị định số 175/2024/NĐ- CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi	Sở Xây dựng	Quyết định 1851/QĐ- UBND ngày 26/6/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
				24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính		hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng. - Nghị định số 144/2025/NĐ- CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.		
99.	Công nhận tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III/chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III cho hội viên của mình (1.013223)	14 ngày (trong đó: Sở Xây dựng 10 ngày; UBND thành phố 04 ngày)	07 ngày (trong đó: Sở Xây dựng 5 ngày; UBND thành phố 02 ngày)	Theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng. - Nghị định số 175/2024/NĐ- CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng. - Nghị định số 144/2025/NĐ- CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	UBND thành phố, Sở Xây dựng	Quyết định 1851/QĐ- UBND ngày 26/6/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
100.	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh (1.013239)	- Dự án nhóm A không quá 35 ngày; - Dự án nhóm B không quá 25 ngày; - Dự án nhóm C không quá 15 ngày	- Dự án nhóm A không quá 30 ngày; - Dự án nhóm B không quá 20 ngày; - Dự án nhóm C không quá 12 ngày	Theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng. - Nghị định số 175/2024/NĐ- CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng. - Nghị định số 105/2025/NĐ- CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. - Nghị định số 140/2025/NĐ- CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. - Nghị định số 144/2025/NĐ- CP ngày 12/6/2025 của	Sở Xây dựng, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ban quản lý Khu kinh tế, công nghiệp.	Quyết định 1851/QĐ- UBND ngày 26/6/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.		
101.	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài (1.013222)	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	06 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Theo quy định tại Thông tư 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu,	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng. - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng. - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	Sở Xây dựng	Quyết định 1851/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
				nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư				
VII.	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản:							
102.	Cấp giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (1.012900)	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ	- Luật kinh doanh bất động sản năm 2023. - Nghị định số 96/2024/NĐ- CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản.	Sở Xây dựng	Quyết định 2710/QĐ- UBND ngày 18/10/2024

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
					công Quốc gia.			
103.	Cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy, bị tiêu hủy, bị hỏng) (1.012901)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Luật kinh doanh bất động sản năm 2023. - Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản.	Sở Xây dựng	Quyết định 2710/QĐ-UBND ngày 18/10/2024
104.	Cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp thay đổi thông tin của sản) (1.012902)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Luật kinh doanh bất động sản năm 2023. - Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản.	Sở Xây dựng	Quyết định 2710/QĐ-UBND ngày 18/10/2024
105.	Đăng ký cấp quyền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản thuộc thẩm quyền giải	07 ngày làm việc (Trong đó: Sở Xây dựng 05 ngày làm việc và	03 ngày làm việc (Trong đó: Sở Xây dựng 02 ngày làm việc và	Theo quy định của Bộ Tài chính	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru	- Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023; - Nghị định số 94/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật	UBND thành phố, Sở Xây dựng	Quyết định 2710/QĐ-UBND ngày 18/10/2024

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
	quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.012904)	UBND thành phố 02 ngày làm việc)	UBND thành phố 01 ngày làm việc)		chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Kinh doanh bất động sản về xây dựng và quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản.		
106.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (trong trường hợp chứng chỉ bị cháy, bị mất, bị rách, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng khác) (1.012907)	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15. - Nghị định số 96/2024/NĐ- CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản - Nghị định số 144/2025/NĐ- CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	Sở Xây dựng	Quyết định 1851/QĐ- UBND ngày 26/6/2025
107.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (trong trường hợp chứng chỉ cũ đã hết hạn hoặc gần hết hạn) (1.012910)	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua	- Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15. - Nghị định số 96/2024/NĐ- CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản	Sở Xây dựng	Quyết định 1851/QĐ- UBND ngày 26/6/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
					Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.		
108.	Thông báo quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật trong dự án bất động sản đủ điều kiện chuyển nhượng cho cá nhân tự xây dựng nhà ở (1.012903)	15 ngày	10 ngày	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trục tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023; - Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản.	Sở Xây dựng	Quyết định số 2710/QĐ-UBND ngày 18/10/2024
109.	Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua (1.012905)	15 ngày	10 ngày	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trục tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023; - Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản.	Sở Xây dựng	Quyết định số 2710/QĐ-UBND ngày 18/10/2024

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
110.	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (1.012906)	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả thi sát hạch đạt	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả thi sát hạch đạt	Theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15. - Nghị định số 96/2024/NĐ- CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản - Nghị định số 144/2025/NĐ- CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	Sở Xây dựng	Quyết định số 1851/QĐ- UBND ngày 26/6/2025
111.	Cho phép chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản (1.013777)	20 ngày (trong đó: Sở Xây dựng 15 ngày; UBND thành phố 05 ngày)	15 ngày (trong đó: Sở Xây dựng 11 ngày; UBND thành phố 04 ngày)	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15. - Nghị định số 96/2024/NĐ- CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản. - Nghị định số 144/2025/NĐ- CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh	UBND thành phố, Sở Xây dựng	Quyết định số 1851/QĐ- UBND ngày 26/6/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.		
VIII. Lĩnh vực nhà ở và công sở:								
112.	Chuyển đổi công năng nhà ở đối với nhà ở xây dựng trong dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh (1.012883)	Không quá 45 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Không quá 22 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Luật Nhà ở năm 2023. - Nghị định số 95/2024/NĐ- CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở. - Nghị định số 54/2026/NĐ- CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản.	UBND thành phố, Sở Xây dựng	Quyết định 1562/QĐ- UBND ngày 18/5/2026
113.	Thủ tục thông báo đơn vị đủ điều kiện quản lý vận hành nhà chung cư (1.012884)	Không quá 30 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Không quá 15 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	- Luật Nhà ở năm 2023. - Nghị định số 95/2024/NĐ- CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở. - Nghị định số 54/2026/NĐ- CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản.	Sở Xây dựng	Quyết định 1562/QĐ- UBND ngày 18/5/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
114.	Thủ tục đề xuất cơ chế ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 198 của Luật Nhà ở 2023 (1.012887)	Không quá 50 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Trong đó Sở Xây dựng 47 ngày và UBND thành phố 07 ngày)	Không quá 20 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Trong đó Sở Xây dựng 15 ngày và UBND thành phố 05 ngày)	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Luật Nhà ở năm 2023. - Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở. - Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản.	UBND thành phố, Sở Xây dựng	Quyết định 1562/QĐ-UBND ngày 18/5/2026
115.	Gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài (1.012890)	Tối đa 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Trong đó Sở Xây dựng 23 ngày và UBND thành phố 07 ngày)	Tối đa 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Trong đó Sở Xây dựng 11 ngày và UBND thành phố 4 ngày)	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Luật Nhà ở năm 2023. - Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở. - Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản.	UBND thành phố, Sở Xây dựng	Quyết định 1562/QĐ-UBND ngày 18/5/2026
116.	Cho thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của	Tối đa 30 ngày, kể từ ngày nhận	Tối đa 15 ngày, kể từ ngày nhận	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính	- Luật Nhà ở năm 2023; - Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/07/2024 của	UBND thành phố,	Quyết định 2710/QĐ-UBND

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
	địa phương (1.012891)	đủ hồ sơ hợp lệ (Trong đó Sở Xây dựng 23 ngày và UBND thành phố 07 ngày)	đủ hồ sơ hợp lệ (Trong đó Sở Xây dựng 11 ngày và UBND thành phố 4 ngày)		công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.	Sở Xây dựng	ngày 18/10/2024
117.	Cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội do Nhà nước đầu tư xây dựng bằng vốn đầu tư công (1.012896)	Không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trong đó Sở Xây dựng 23 ngày và UBND thành phố 07 ngày).	Không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trong đó Sở Xây dựng 11 ngày và UBND thành phố 04 ngày).	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Luật Nhà ở năm 2023; - Nghị định số 100/2024/NĐ- CP ngày 26/07/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.	UBND thành phố, Sở Xây dựng (Trung tâm PTQĐ)	Quyết định 2710/QĐ- UBND ngày 18/10/2024
118.	Chuyển đổi công năng nhà ở không thuộc tài sản công (1.013769)	30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (trong đó Sở Xây dựng 23 ngày và UBND	15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (trong đó Sở Xây dựng 11 ngày và UBND	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua	- Luật Nhà ở số 27/2023/QH15. - Nghị định số 95/2024/NĐ- CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở. - Nghị định số 144/2025/NĐ-	UBND thành phố, Sở Xây dựng	Quyết định 1851/QĐ- UBND ngày 26/6/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		thành phố 07 ngày)	thành phố 04 ngày)		Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.		
119.	Thông báo đủ điều kiện được huy động vốn thông qua việc góp vốn, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh, liên doanh, liên kết của các tổ chức và cá nhân để phát triển nhà ở (1.012882)	15 ngày	10 ngày	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Luật Nhà ở năm 2023; - Nghị định số 95/2024/NĐ- CP ngày 24/07/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.	Sở Xây dựng	Quyết định số 2710/QĐ- UBND ngày 26/6/2025
120.	Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư làm chủ đầu tư đối với dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công (1.012885)	35 ngày (Trong đó: Sở Xây dựng 28 ngày và UBND thành phố 07 ngày)	20 ngày (Trong đó: Sở Xây dựng 15 ngày và UBND thành phố 05 ngày)	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Luật Nhà ở năm 2023; - Nghị định số 98/2024/NĐ- CP ngày 25/07/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư.	UBND thành phố, Sở Xây dựng	Quyết định số 2710/QĐ- UBND ngày 26/6/2025
121.	Điều chỉnh chấp thuận chủ trương	35 ngày (Trong đó:	15 ngày (Trong đó:	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục	- Luật Nhà ở năm 2023;	UBND thành	Quyết định số

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
	đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư làm chủ đầu tư đối với dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công (1.012886)	Sở Xây dựng 28 ngày và UBND thành phố 07 ngày)	Sở Xây dựng 11 ngày và UBND thành phố 04 ngày)		vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Công Dịch vụ công Quốc gia.	- Nghị định số 98/2024/NĐ- CP ngày 25/07/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư.	phố, Sở Xây dựng	2710/QĐ- UBND ngày 26/6/2025
122.	Thủ tục giao chủ đầu tư không thông qua đấu thầu đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc có văn bản pháp lý tương đương (3.000506)	- Trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội do nhà đầu tư đề xuất đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc có văn bản pháp lý tương đương	- Trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội do nhà đầu tư đề xuất đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc có văn bản pháp lý tương đương	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Công Dịch vụ công Quốc gia.	Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29/5/2025 của Quốc hội thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội và Nghị định số 192/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị quyết số 201/2025/QH15	UBND thành phố, Sở Xây dựng	Quyết định số 2280/QĐ- UBND ngày 21/7/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		theo quy định của pháp luật trước ngày 01/7/2025: 22 ngày (tại Sở Xây dựng 15 ngày, UBND thành phố 07 ngày). - Trường hợp dự án do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập, chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc có văn bản pháp lý tương đương trước ngày 01/7/2025: 52 ngày (tại	theo quy định của pháp luật trước ngày 01/7/2025: 11 ngày (tại Sở Xây dựng 07 ngày, UBND thành phố 04 ngày). - Trường hợp dự án do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập, chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc có văn bản pháp lý tương đương trước ngày 01/7/2025: 26 ngày (tại					

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		Sở Xây dựng 15 ngày, UBND thành phố 07 ngày); thời gian công bố thông tin: 30 ngày	Sở Xây dựng 07 ngày, UBND thành phố 04 ngày); thời gian công bố thông tin: 15 ngày					
123.	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội chưa được chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc chưa có văn bản pháp lý tương đương (3.000507)	- Trường hợp nhà đầu tư có quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất đối với một phần hoặc	- Trường hợp nhà đầu tư có quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất đối với một phần hoặc	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29/5/2025 của Quốc hội thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội và Nghị định số 192/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị quyết số 201/2025/QH15	UBND thành phố, Sở Xây dựng	Quyết định số 2280/QĐ- UBND ngày 21/7/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		toàn bộ diện tích đất của dự án hoặc nhà đầu tư đề xuất dự án chưa được cơ quan nhà nước công bố thông tin về dự án: 37 ngày (tại Sở Xây dựng 25 ngày, UBND thành phố 12 ngày). - Trường hợp dự án do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập, công bố thông tin dự án để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội:	toàn bộ diện tích đất của dự án hoặc nhà đầu tư đề xuất dự án chưa được cơ quan nhà nước công bố thông tin về dự án: 18 ngày (tại Sở Xây dựng 11 ngày, UBND thành phố 07 ngày). - Trường hợp dự án do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập, công bố thông tin dự án để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội:					

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		52 ngày (tại Sở Xây dựng 15 ngày, UBND thành phố 07 ngày); thời gian công bố thông tin: 30 ngày.	26 ngày (tại Sở Xây dựng 07 ngày, UBND thành phố 04 ngày); thời gian công bố thông tin: 15 ngày.					
124.	Thủ tục điều chỉnh quyết định giao chủ đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư (3.000508)	37 ngày (tại Sở Xây dựng 25 ngày, UBND thành phố 12 ngày)	20 ngày (tại Sở Xây dựng 13 ngày, UBND thành phố 07 ngày)	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29/5/2025 của Quốc hội thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội và Nghị định số 192/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị quyết số 201/2025/QH15	UBND thành phố, Sở Xây dựng	Quyết định số 2280/QĐ- UBND ngày 21/7/2025
IX. Lĩnh vực Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc:								
125.	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	7,5 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Theo quy định của	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành	- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15; - Nghị định số 145/2025/NĐ- CP ngày 12/6/2025 quy định	Sở Xây dựng; Ban Quản lý khu	Quyết định 2754/QĐ- UBND

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
	chi tiết đô thị và nông thôn (đối với quy hoạch chi tiết do Nhà đầu tư tổ chức lập) (1.014155)			Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí	phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trực tuyến qua Công Dịch vụ công Quốc gia.	về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn. - Nghị định số 178/2025/NĐ- CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn. - Thông tư số 16/2025/TT- BXD ngày 30/6/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn. - Thông tư số 17/2025/TT- BXD ngày 30/6/2025 ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn.- Quyết định số 1216/QĐ-BXD ngày 05/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc đính chính Nghị định số 145/2025/NĐ- CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân	kinh tế, công nghiệp	ngày 29/8/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn, Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn và Quyết định số 18/2025/QĐ-TTg ngày 28/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch đô thị và nông thôn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập		
126.	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị và nông thôn (đối với quy hoạch chi tiết do Nhà đầu tư	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trực tuyến qua	- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15; - Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp	UBND thành phố; Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp	Quyết định 2754/QĐ-UBND ngày 29/8/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
	tổ chức lập) (1.014156)				Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn. - Nghị định số 178/2025/NĐ- CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn. - Thông tư số 16/2025/TT- BXD ngày 30/6/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn. - Quyết định số 1216/QĐ- BXD ngày 05/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc đính chính Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn, Nghị định số 178/2025/NĐ- CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy		

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						hoạch đô thị và nông thôn và Quyết định số 18/2025/QĐ-TTg ngày 28/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch đô thị và nông thôn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập.		
127.	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị và nông thôn thuộc (đối với quy hoạch chi tiết do Nhà đầu tư tổ chức lập) (1.014157)	30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15; - Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn. - Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn. - Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 quy định chi tiết một số điều của	Sở Xây dựng; Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp	Quyết định 2754/QĐ-UBND ngày 29/8/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
				phí và lệ phí		Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn. - Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn.- Quyết định số 1216/QĐ-BXD ngày 05/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc đính chính Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn, Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn và Quyết định số 18/2025/QĐ-TTg ngày 28/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về trình		

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						tự, thủ tục phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch đô thị và nông thôn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập		
128.	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị và nông thôn thuộc (đối với quy hoạch chi tiết do Nhà đầu tư tổ chức lập) (1.014158)	- Đối với quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định trên cơ sở quy trình xử lý nội bộ của cấp phê duyệt và không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với quy hoạch tổng mặt	- Đối với quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định trên cơ sở quy trình xử lý nội bộ của cấp phê duyệt và không quá 7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với quy hoạch tổng mặt	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trục tuyến qua Công Dịch vụ công Quốc gia.	- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 144/2025/QH15; - Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng; - Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong	UBND thành phố; Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp	Quyết định 2754/QĐ-UBND ngày 29/8/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		bằng: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	bằng: 7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.			lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn; - Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; - Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; - Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; - Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-		

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.		
129.	Cung cấp thông tin về hồ sơ cắm mốc, thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn (1.014159)	Không quá 5 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu	Không quá 5 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13; - Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15; - Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn.- Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.	Sở Xây dựng; Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp	Quyết định 2754/QĐ-UBND ngày 29/8/2025
130.	Gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc (1.008991)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	150.000 đồng/chứng chỉ	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru	- Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019; - Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân	Sở Xây dựng	Quyết định 684/QĐ-UBND ngày 13/02/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
					chính công ích; Trực tuyến qua Công Dịch vụ công Quốc gia.	cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng; - Nghị định số 85/2020/NĐ- CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc; - Nghị định số 35/2023/NĐ- CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 14/2026/NĐ- CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.		

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
131.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp (1.008990)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	150.000 đồng/chứng chỉ	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019; - Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng; - Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị	Sở Xây dựng	Quyết định 684/QĐ-UBND ngày 13/02/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.		
132.	Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam (1.008993)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	300.000 đồng/chứ ng chỉ	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019; - Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng; - Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định	Sở Xây dựng	Quyết định 684/QĐ- UBND ngày 13/02/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.		
133.	Cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc (1.008891)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	300.000 đồng/chứng chỉ	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019; - Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;	Sở Xây dựng	Quyết định 684/QĐ-UBND ngày 13/02/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.		
X.	Lĩnh vực thuế:							
134.	Thủ tục xác định xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ (3.000255)	- Chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được Đơn xin xác nhận, Sở Xây dựng kiểm tra và xác nhận vào Đơn xin xác nhận nếu các phương tiện đủ điều kiện theo nội	- Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được Đơn xin xác nhận, Sở Xây dựng kiểm tra và xác nhận vào Đơn xin xác nhận nếu các phương tiện đủ điều kiện theo nội	Không	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia. - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới thành phố Huế hoặc qua hệ thống bu	- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13. - Luật Đường bộ số 35/2024/QH15. - Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15. - Nghị định số 364/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô.	Sở Xây dựng, Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới	Quyết định 195/QĐ-UBND ngày 13/01/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		dung kê khai. - Chủ xe nộp Đơn xin xác nhận cho cơ sở đăng kiểm nơi chủ xe đưa xe đến kiểm định trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày được Sở Xây dựng xác nhận. - Đối với trường hợp không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng, chậm nhất	dung kê khai. - Chủ xe nộp Đơn xin xác nhận cho cơ sở đăng kiểm nơi chủ xe đưa xe đến kiểm định trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày được Sở Xây dựng xác nhận. - Đối với trường hợp không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng, chậm nhất		chính hoặc hình thức phù hợp khác.			

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn xin xác nhận, cơ sở đăng kiểm kiểm tra, đối chiếu Đơn xin xác nhận và cấp Giấy chứng nhận kiểm định (không cấp Tem kiểm định). - Đối với trường hợp xe đang tham gia giao thông, sử dụng đường dành cho giao thông công cộng được chuyển sang	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn xin xác nhận, cơ sở đăng kiểm kiểm tra, đối chiếu Đơn xin xác nhận và cấp Giấy chứng nhận kiểm định (không cấp Tem kiểm định). - Đối với trường hợp xe đang tham gia giao thông, sử dụng đường dành cho giao thông công cộng được chuyển sang					

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		đối tượng không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng, chậm nhất 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn xin xác nhận, cơ sở đăng kiểm kiểm tra, đối chiếu Đơn xin xác nhận và lập Biên bản thu Tem kiểm định.	đối tượng không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng, chậm nhất 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn xin xác nhận, cơ sở đăng kiểm kiểm tra, đối chiếu Đơn xin xác nhận và lập Biên bản thu Tem kiểm định.					
135.	Thủ tục xác định xe thuộc trường hợp không chịu phí, được trả lại hoặc bù	- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể	- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể	Không	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Đăng kiểm	- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13. - Luật Đường bộ số 35/2024/QH15.	Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới	Quyết định 195/QĐ-UBND

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
	trừ phí đã nộp (3.000251)	từ ngày tiếp nhận hồ sơ trả lại hoặc bù trừ phí, cơ sở đăng kiểm thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho chủ xe để hoàn chỉnh lại hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ. - Đối với xe ô tô thuộc trường hợp không chịu phí được trả lại hoặc bù trừ phí đã nộp, trừ trường hợp	từ ngày tiếp nhận hồ sơ trả lại hoặc bù trừ phí, cơ sở đăng kiểm thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho chủ xe để hoàn chỉnh lại hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ. - Đối với xe ô tô thuộc trường hợp không chịu phí được trả lại hoặc bù trừ phí đã nộp, trừ trường hợp		xe cơ giới thành phố Huế hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác	- Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15. - Nghị định số 364/2025/NĐ- CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô.		ngày 13/01/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		xe ô tô tạm dừng tham gia giao thông liên tục từ 30 ngày trở lên và xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng: Chậm nhất là 03 ngày làm việc (riêng đối với trường hợp xe đăng ký, đăng kiểm tại Việt Nam nhưng hoạt động tại nước ngoài liên tục từ 30	xe ô tô tạm dừng tham gia giao thông liên tục từ 30 ngày trở lên và xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng: Chậm nhất là 02 ngày làm việc (riêng đối với trường hợp xe đăng ký, đăng kiểm tại Việt Nam nhưng hoạt động tại nước ngoài liên tục từ 30					

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		ngày trở lên, xe bị mất trộm trong thời gian từ 30 ngày trở lên sau đó tìm được, thu hồi và giao lại cho chủ xe chậm nhất là 01 ngày làm việc) kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí, thu trưởng cơ sở đăng kiểm ban hành Quyết định về việc trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu	ngày trở lên, xe bị mất trộm trong thời gian từ 30 ngày trở lên sau đó tìm được, thu hồi và giao lại cho chủ xe chậm nhất là 01 ngày làm việc) kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí, thu trưởng cơ sở đăng kiểm ban hành Quyết định về việc trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu					

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		số 03 tại Phụ lục II hoặc Thông báo về việc không được trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/N Đ-CP. - Đối với xe ô tô tạm dừng tham gia giao thông liên tục từ 30 ngày trở lên: Chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày lập	số 03 tại Phụ lục II hoặc Thông báo về việc không được trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/N Đ-CP. - Đối với xe ô tô tạm dừng tham gia giao thông liên tục từ 30 ngày trở lên: Chậm nhất là 02 ngày làm việc kể từ ngày lập					

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		Biên bản thu Tem kiểm định và Giấy chứng nhận kiểm định, thủ trưởng cơ sở đăng kiểm ban hành Quyết định về việc trả lại hoặc bù trừ tiền phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II hoặc Thông báo về việc không được trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm	Biên bản thu Tem kiểm định và Giấy chứng nhận kiểm định, thủ trưởng cơ sở đăng kiểm ban hành Quyết định về việc trả lại hoặc bù trừ tiền phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II hoặc Thông báo về việc không được trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm					

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		theo Nghị định số 364/2025/N Đ-CP. - Đối với xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng đã được nộp phí qua thời điểm cơ sở đăng kiểm thu Tem kiểm định: Ngay trong ngày lập Biên bản thu Tem kiểm định, thủ trưởng cơ sở đăng kiểm ban hành	theo Nghị định số 364/2025/N Đ-CP. - Đối với xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng đã được nộp phí qua thời điểm cơ sở đăng kiểm thu Tem kiểm định: Ngay trong ngày lập Biên bản thu Tem kiểm định, thủ trưởng cơ sở đăng kiểm ban hành					

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		Quyết định về việc trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II hoặc Thông báo về việc không được trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP. - Cơ sở đăng kiểm thực hiện trả lại hoặc bù trừ phí cho chủ	Quyết định về việc trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II hoặc Thông báo về việc không được trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP. - Cơ sở đăng kiểm thực hiện trả lại hoặc bù trừ phí cho chủ					

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		xe theo thông tin tại Giấy đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ ngay trong ngày ban hành Quyết định về việc trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ.	xe theo thông tin tại Giấy đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ ngay trong ngày ban hành Quyết định về việc trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ.					
136.	Thủ tục xác định xe tạm dừng tham gia giao thông liên tục từ 30 ngày trở lên (3.000252)	Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận Đơn xin tạm dừng tham gia giao thông và các giấy tờ kèm theo, cơ sở	Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận Đơn xin tạm dừng tham gia giao thông và các giấy tờ kèm theo, cơ sở	Không	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới thành phố Huế hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác	- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13. - Luật Đường bộ số 35/2024/QH15. - Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15. - Nghị định số 364/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng	Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới	Quyết định 195/QĐ-UBND ngày 13/01/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		đăng kiểm đối chiếu thông tin của xe ô tô trong Đơn xin tạm dừng tham gia giao thông, lập Biên bản thu Tem kiểm định và Giấy chứng nhận kiểm định trong trường hợp kết quả kiểm tra phù hợp hoặc trả lại hồ sơ.	đăng kiểm đối chiếu thông tin của xe ô tô trong Đơn xin tạm dừng tham gia giao thông, lập Biên bản thu Tem kiểm định và Giấy chứng nhận kiểm định trong trường hợp kết quả kiểm tra phù hợp hoặc trả lại hồ sơ.			đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô.		
XI. Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật								
137.	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh (1.002693)	- Không quá 20 ngày làm việc (đối với trường hợp đề nghị chặt hạ, dịch chuyển cây	- Không quá 10 ngày làm việc (đối với trường hợp đề nghị chặt hạ, dịch chuyển cây	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích;	- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024; - Nghị định số 258/2025/NĐ- CP ngày 09/10/2025 của Chính phủ về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước.	Sở Xây dựng	Quyết định 3403/QĐ- UBND ngày 31/10/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		xanh thuộc danh mục cây xanh cần bảo tồn); - Không quá 10 ngày làm việc (đối với các trường hợp khác).	xanh thuộc danh mục cây xanh cần bảo tồn); - Không quá 5 ngày làm việc (đối với các trường hợp khác).		Trực tuyến qua Công Dịch vụ công Quốc gia			
XII. Giám định tư pháp:								
138.	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương (2.001116)	30 ngày (Trong đó: Sở Xây dựng 23 ngày và UBND thành phố 07 ngày)	10 ngày (Trong đó: Sở Xây dựng 7 ngày và UBND thành phố 3 ngày)	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Công Dịch vụ công Quốc gia	- Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13; Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp; - Nghị định số 35/2023/NĐ- CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	UBND thành phố, Sở Xây dựng	Quyết định 1639/QĐ- UBND ngày 10/7/2023
139.	Miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp xây	10 ngày (Trong đó: Sở Xây dựng 07 ngày và	05 ngày (Trong đó: Sở Xây dựng 03 ngày và	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành	- Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13; Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ	UBND thành phố, Sở Xây dựng	Quyết định 1639/QĐ- UBND ngày 10/7/2023

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
	dựng ở địa phương (1.011675)	UBND tỉnh 03 ngày)	UBND tỉnh 02 ngày)		phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	sung một số điều của Luật Giám định tư pháp; - Nghị định số 35/2023/NĐ- CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng		
XIII. Lĩnh vực đăng kiểm:								
140.	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy (1.013105)	- Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Kiểm tra, đánh giá thực tế: 10 ngày. - Cấp Giấy chứng nhận: 03 ngày làm việc.	- Tiếp nhận hồ sơ: 01 ngày làm việc. - Kiểm tra, đánh giá thực tế: 04 ngày. - Cấp Giấy chứng nhận: 02 ngày làm việc.	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Thông tư số 46/2024/TT- BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; - Thông tư số 71/2025/TT- BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để cắt	Sở Xây dựng	Quyết định 1119/QĐ- UBND ngày 03/4/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm, hàng không dân dụng và thanh tra thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.		
141.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy (1.013110)	- Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Kiểm tra, đánh giá thực tế: 10 ngày. - Cấp Giấy chứng nhận: 03 ngày làm việc.	- Tiếp nhận hồ sơ: 01 ngày làm việc. - Kiểm tra, đánh giá thực tế: 04 ngày. - Cấp Giấy chứng nhận: 02 ngày làm việc.	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Công Dịch vụ công Quốc gia.	- Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; - Thông tư số 71/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm, hàng không dân dụng và thanh tra thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.	Sở Xây dựng	Quyết định 1119/QĐ-UBND ngày 03/4/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
XIV.	Lĩnh vực vật liệu xây dựng:							
142.	Cấp giấy phép lưu thông vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy (1.014783)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã hoặc qua dịch vụ Bru chính công ích hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công.	- Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; - Thông tư số 63/2025/TT-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết một số điều của Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.	Sở Xây dựng	Quyết định 506/QĐ-UBND ngày 30/01/2026
XV.	Lĩnh vực hải quan:							
143.	Thủ tục xác nhận vật tư, thiết bị là hàng hóa nhập khẩu phục vụ dự án chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu xây không	10 ngày	05 ngày	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã hoặc qua dịch vụ Bru	- Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13; - Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ về Biểu thuế xuất	Sở Xây dựng	Quyết định 1639/QĐ-UBND ngày 10/7/2023

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày, ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
	nung nhẹ và sản xuất gạch xi măng - cốt liệu công suất từ 10 triệu viên quy tiêu chuẩn/năm trở lên thuộc Nhóm 98.22 (1.011729)				chính công ích hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công.	khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa, mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan.		

2. Danh mục thủ tục hành chính cấp xã (44 TTHC):

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
I.	Lĩnh vực đường bộ:							
1.	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác (1.000314)	07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ. - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	UBND cấp xã	Quyết định số 1851/QĐ-UBND ngày 26/06/2025
2.	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác (1.013061)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ; - Thông tư số 72/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải	UBND cấp xã	Quyết định số 1851/QĐ-UBND ngày 26/06/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác, Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ; Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ, Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chở hành khách và xe ô tô.		

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
3.	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác (1.013274)	- 01 ngày đối với đám tang; - 05 ngày làm việc đối với các trường hợp khác	- 01 ngày đối với đám tang; - 03 ngày làm việc đối với các trường hợp khác	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trục tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ. - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	UBND cấp xã	Quyết định số 1851/QĐ-UBND ngày 26/06/2025
4.	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trục tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ. - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	UBND cấp xã	Quyết định số 1851/QĐ-UBND ngày 26/06/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
	chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bán xích lưu hành trên đường bộ (2.001921)							
V.	Lĩnh vực hàng hải và đường thủy nội địa:							
5.	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa (1.003658)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	100.000 đồng (phí thẩm tra, thẩm định)	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa. - Nghị định số 06/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.	UBND cấp xã	Quyết định số 1851/QĐ-UBND ngày 26/06/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						- Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.		
6.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện (1.003930)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	70.000 đồng/ Giấy chứng nhận	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT ngày 17/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa và quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên	UBND cấp xã	Quyết định số 1851/QĐ-UBND ngày 26/06/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; - Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.		
7.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	70.000 đồng/ Giấy chứng nhận	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT ngày 17/12/2024 của	UBND cấp xã	Quyết định số 1851/QĐ-UBND ngày 26/06/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
	đăng ký phương tiện (1.003970)				công Quốc gia.	Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa và quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; - Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.		

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
8.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện (1.004002)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	70.000 đồng/ Giấy chứng nhận	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT ngày 17/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa và quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; - Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư	UBND cấp xã	Quyết định số 1851/QĐ-UBND ngày 26/06/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.		
9.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa (1.004036)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	70.000 đồng/ Giấy chứng nhận	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT ngày 17/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa và quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản	UBND cấp xã	Quyết định số 1851/QĐ-UBND ngày 26/06/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; - Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.		
10.	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa (1.004047)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	70.000 đồng/ Giấy chứng nhận	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT ngày 17/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa và quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên	UBND cấp xã	Quyết định số 1851/QĐ-UBND ngày 26/06/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; - Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.		
11.	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa (1.004088)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	70.000 đồng/ Giấy chứng nhận	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT ngày 17/12/2024 của	UBND cấp xã	Quyết định số 1851/QĐ-UBND ngày 26/06/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thực thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
					công Quốc gia.	Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa và quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; - Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.		

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
12.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác (1.006391)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	70.000 đồng/ Giấy chứng nhận	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT ngày 17/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa và quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; - Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư	UBND cấp xã	Quyết định số 1851/QĐ-UBND ngày 26/06/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thực thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.		
13.	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa (1.009444)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	100.000 đồng (phí thẩm tra, thẩm định)	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa. - Nghị định số 06/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa. - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	UBND cấp xã	Quyết định số 1851/QĐ-UBND ngày 26/06/2025
14.	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa (1.009447)		Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.	UBND cấp xã	Quyết định số 1851/QĐ-UBND

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
			ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định		phố/cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Nghị định số 06/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa. - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.		ngày 26/06/2025
15.	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa (1.009452)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Thời hạn Chi cục Hàng hải và Đường thủy khu vực (đối với bến thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm	UBND cấp xã	Quyết định 1578/QĐ-UBND ngày 19/5/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thực thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
			chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia) có văn bản trả lời: Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã. - Thời hạn Cảng vụ Hàng hải (đối với trường hợp bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển): Trong thời			quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.		

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thực thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
			hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã. - Thời hạn thẩm định, thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng: Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Chi cục Hàng hải và Đường thủy khu vực (đối với bến					

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
			thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia), Cảng vụ Hàng hải (đối với trường hợp bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển).					
16.	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trực tuyến qua	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định	UBND cấp xã	Quyết định 1578/QĐ-UBND ngày 19/5/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
	công trình chính (1.009453)		theo quy định.		Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.		
17.	Công bố hoạt động bến thủy nội địa (1.009454)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc , kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trong thời hạn 03 ngày làm việc , kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Phí Thẩm tra, thẩm định: 100.000 đồng/lần .	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa. - Nghị định số 06/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy	UBND cấp xã	Quyết định số 1851/QĐ-UBND ngày 26/06/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa. - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.		
18.	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bên thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính (1.009455)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	100.000 đồng/lần	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực	UBND cấp xã	Quyết định 1578/QĐ-UBND ngày 19/5/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; - Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.		
19.	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông (1.009465)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa. - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	UBND cấp xã	Quyết định số 1851/QĐ-UBND ngày 26/06/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
20.	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước (2.001211)	02 ngày làm việc , kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	01 ngày làm việc , kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trục tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước. - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước. - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	UBND cấp xã	Quyết định số 1851/QĐ-UBND ngày 26/06/2025
21.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí	03 ngày làm việc , kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	1,5 ngày làm việc , kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trục tuyến qua	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước. - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ	UBND cấp xã	Quyết định số 1851/QĐ-UBND ngày 26/06/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
	dưới nước (2.001212)				Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước. - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.		
22.	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước (2.001214)	03 ngày làm việc , kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	1,5 ngày làm việc , kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước. - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước.	UBND cấp xã	Quyết định số 1851/QĐ-UBND ngày 26/06/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						- Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.		
23.	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu (2.001215)	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	1,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trục tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước. - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước. - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	UBND cấp xã	Quyết định số 1851/QĐ-UBND ngày 26/06/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
24.	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát (2.001217)	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trục tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước. - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước. - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	UBND cấp xã	Quyết định số 1851/QĐ-UBND ngày 26/06/2025
25.	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trục tuyến qua	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước. - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ	UBND cấp xã	Quyết định số 1851/QĐ-UBND ngày 26/06/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
	thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát (2.001218)				Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước. - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.		
26.	Xóa đăng ký phương tiện (2.001659)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có)	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có)	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT ngày 17/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa và quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên	UBND cấp xã	Quyết định số 1851/QĐ-UBND ngày 26/06/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.		
27.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật (2.001711)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có)	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có)	70.000 đồng/ Giấy chứng nhận	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT ngày 17/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa và quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	UBND cấp xã	Quyết định số 1851/QĐ-UBND ngày 26/06/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; - Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.		
III.	Lĩnh vực hoạt động xây dựng:							
28.	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo	20 ngày đối với công trình (hoặc 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ) kể từ ngày	10 ngày đối với công trình (hoặc 7,5 ngày đối với nhà ở riêng lẻ) kể từ ngày	- Hình thức nộp trực tuyến: không (0) đồng;	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trực tuyến qua	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều	UBND cấp xã	Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 27/01/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
	tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ. (1.013225)	nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Hình thức khác: + 75.000 đồng/giấy phép đối với nhà ở riêng lẻ; + 150.000 đồng/giấy phép đối với công trình.	Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;		
29.	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyển/Theo tuyển trong đô	20 ngày đối với công trình và 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	10 ngày đối với công trình và 7,5 ngày đối với nhà ở riêng lẻ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Hình thức nộp trực tuyến: không (0) đồng; - Hình thức khác:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;	UBND cấp xã	Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 27/01/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thực thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
	thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (1.013229)			+ 75.000 đồng/giấy phép đối với nhà ở riêng lẻ; + 150.000 đồng/giấy phép đối với công trình.		- Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 15/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về quy định mức thu, nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; - Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế quy định mức thu lệ phí không đồng khi thực hiện thủ tục hành chính thông qua Dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn thành phố Huế; - Quyết định số 129/2025/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2025 của UBND thành phố Huế về việc quy định một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn thành phố Huế.		
30.	Cấp giấy phép đi dời đối với công trình cấp cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyển/Theo	20 ngày (hoặc 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ) kể từ ngày nhận đủ hồ	10 ngày (hoặc 7,5 ngày đối với nhà ở riêng lẻ) kể từ ngày nhận đủ hồ	- Hình thức nộp trực tuyến: không (0) đồng;	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trực tuyến qua	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều	UBND cấp xã	Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 27/01/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
	tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (1.013232).	sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không được quá 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định	sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không được quá 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định	- Hình thức khác: + 75.000 đồng/giấy phép đối với nhà ở riêng lẻ; + 150.000 đồng/giấy phép đối với công trình.	Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;		
31.	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV	20 ngày (hoặc 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ) kể	10 ngày (hoặc 7,5 ngày đối với nhà ở riêng lẻ) kể	- Hình thức nộp trực tuyến: không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; Qua dịch vụ Bưu	các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;	UBND cấp xã	Quyết định số 431/QĐ-UBND

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
	(công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (1.013226).	từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không được quá 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định	từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không được quá 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định	(0) đồng; - Hình thức khác: 15.000 đồng/giấy phép.	chính công ích; Trục tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 15/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về quy định mức thu, nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; - Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế quy định mức thu lệ phí không đồng khi thực hiện thủ tục hành chính thông qua Dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn thành phố Huế; - Quyết định số 129/2025/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2025 của UBND thành phố Huế về việc quy định một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn thành phố Huế.		ngày 27/01/2026
32.	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công	05 ngày làm việc kể từ ngày	03 ngày làm việc kể từ ngày	- Hình thức nộp trực	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung	UBND cấp xã	Quyết định số

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
	trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (1.013227).	nhận đủ hồ sơ hợp lệ	nhận đủ hồ sơ hợp lệ	tuyển: không (0) đồng; - Hình thức khác: 15.000 đồng/giấy phép.	công cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	một số điều của Luật Xây dựng; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về cắt giảm, đơn		431/QĐ-UBND ngày 27/01/2026
33.	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Hình thức nộp trực tuyến: không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích;	phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về cắt giảm, đơn	UBND cấp xã	Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 27/01/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
	theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (1.013228).			(0) đồng; - Hình thức khác: 15.000 đồng/giấy phép.	Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	giảm hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng; - Nghị quyết số 21/2024/NQ- HĐND ngày 15/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về quy định mức thu, nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; - Nghị quyết số 17/2025/NQ- HĐND ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế quy định mức thu lệ phí không đồng khi thực hiện thủ tục hành chính thông qua Dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn thành phố Huế; - Quyết định số 129/2025/QĐ- UBND ngày 02 tháng 12 năm 2025 của UBND thành phố Huế về việc quy định một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn thành phố Huế.		
IV.	Lĩnh vực nhà ở và công sở:							
34.	Công nhận Ban quản trị nhà	Không quá 07 ngày	Không quá 03 ngày	Không có	Trực tiếp tại Trung tâm Phục	- Luật Nhà ở số 27/2023/QH15.	UBND cấp xã	Quyết định số

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
	chung cư (1.012888)	làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.		vụ hành chính công cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trục tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở. - Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở. - Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 và phân cấp cho chính quyền địa phương.		1851/QĐ-UBND ngày 26/06/2025
35.	Giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung của nhà ở cũ thuộc tài sản công (1.012894)	Không quá 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Không	Trường hợp là nhà ở do địa phương quản lý thì nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công	- Luật Nhà ở năm 2023. - Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở. - Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản.	UBND cấp xã (Theo Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 09/03/2026 của UBND thành phố, UBND cấp	Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 18/5/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
					của UBND cấp xã	- Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 09/03/2026 của UBND thành phố về việc ủy quyền, giao thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản theo Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.	xã được ủy quyền đại diện chủ sở hữu nhà ở cũ thuộc tài sản công)	
36.	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp chưa có hợp đồng thuê nhà ở (1.012892)	Không quá 30 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Không quá 15 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Không	Trường hợp là nhà ở do địa phương quản lý thì nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công của UBND cấp xã	- Luật Nhà ở năm 2023. - Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở. - Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản. - Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 09/03/2026 của UBND thành phố về việc ủy quyền, giao thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố trong lĩnh vực nhà ở,	UBND cấp xã (Theo Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 09/03/2026 của UBND thành phố, UBND cấp xã được ủy quyền đại diện chủ	Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 18/5/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						kinh doanh bất động sản theo Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.	sở nhà ở cũ thuộc tài sản công)	
37.	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp nhận chuyển quyền thuê nhà ở (1.012897)	- Không quá 45 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp người đang sử dụng nhà ở nhận chuyển quyền thuê nhà ở trước ngày 06 tháng 6 năm 2013 (ngày Nghị định số 34/2013/NĐ-CP có hiệu lực thi	- Không quá 22 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp người đang sử dụng nhà ở nhận chuyển quyền thuê nhà ở trước ngày 06 tháng 6 năm 2013 (ngày Nghị định số 34/2013/NĐ-CP có hiệu lực thi	Không	Trường hợp là nhà ở do địa phương quản lý thì nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công của UBND cấp xã	- Luật Nhà ở năm 2023. - Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở. - Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản. - Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 09/03/2026 của UBND thành phố về việc ủy quyền, giao thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản theo Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.	UBND cấp xã (Theo Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 09/03/2026 của UBND thành phố, UBND cấp xã được ủy quyền đại diện chủ sở nhà ở cũ thuộc tài sản công)	Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 18/5/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
		hành); - Không quá 25 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp người đang thực tế sử dụng nhà ở là người nhận chuyển quyền thuê nhà ở từ ngày 06 tháng 6 năm 2013.	hành); - Không quá 12 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp người đang thực tế sử dụng nhà ở là người nhận chuyển quyền thuê nhà ở từ ngày 06 tháng 6 năm 2013.					
38.	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp ký lại hợp đồng	Không quá 15 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận	Không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận	Không	Trường hợp là nhà ở do địa phương quản lý thì nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua	- Luật Nhà ở năm 2023. - Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.	UBND cấp xã (Theo Quyết định số 824/QĐ-	Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 18/5/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
	thuê (1.012898)	đủ hồ sơ hợp lệ.	đủ hồ sơ hợp lệ.		dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công của UBND cấp xã	- Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản. - Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 09/03/2026 của UBND thành phố về việc ủy quyền, giao thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản theo Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.	UBND ngày 09/03/2026 của UBND thành phố, UBND cấp xã được ủy quyền đại diện chủ sở nhà ở cũ thuộc tài sản công)	
39.	Bán nhà ở cũ thuộc tài sản công (1.012893)	Không quá 45 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Không quá 20 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Không	Trường hợp là nhà ở do địa phương quản lý thì nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công của UBND cấp xã	- Luật Nhà ở năm 2023. - Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở. - Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản. - Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 09/03/2026 của UBND thành phố về việc ủy quyền, giao thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn,	UBND cấp xã (Theo Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 09/03/2026 của UBND thành phố, UBND cấp xã được ủy	Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 18/5/2026

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản theo Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.	quyền đại diện chủ sở hữu ở cũ thuộc tài sản công)	
V. Lĩnh vực Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc:								
40.	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị và nông thôn (đổi với quy hoạch chi tiết do Nhà đầu tư tổ chức lập) (1.014155)	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	7,5 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15; - Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn. - Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn. - Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn. - Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn.-	UBND cấp xã	Quyết định số 2754/QĐ-UBND ngày 29/8/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						Quyết định số 1216/QĐ-BXD ngày 05/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc đính chính Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn, Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn và Quyết định số 18/2025/QĐ-TTg ngày 28/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch đô thị và nông thôn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập		
41.	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được	3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; Qua dịch vụ Buru	- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15; - Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính	UBND cấp xã	Quyết định số 2754/QĐ-UBND

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
	tiết đô thị và nông thôn (đổi với quy hoạch chi tiết do Nhà đầu tư tổ chức lập) (1.014156)	đầy đủ hồ sơ hợp lệ	đầy đủ hồ sơ hợp lệ		chính công ích; Trục tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn. - Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn. - Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn. - Quyết định số 1216/QĐ-BXD ngày 05/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc đính chính Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn, Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn và Quyết định số 18/2025/QĐ-TTg ngày 28/6/2025 của Thủ tướng Chính		ngày 29/8/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						phủ quy định về trình tự, thủ tục phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch đô thị và nông thôn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập.		
42.	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị và nông thôn thuộc (đối với quy hoạch chi tiết do Nhà đầu tư tổ chức lập) (1.014157)	30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; Qua dịch vụ Bru chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15; - Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn. - Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn. - Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn. - Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn.- Quyết định số 1216/QĐ-BXD	UBND cấp xã	Quyết định số 2754/QĐ-UBND ngày 29/8/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						ngày 05/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc đính chính Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn, Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn và Quyết định số 18/2025/QĐ-TTg ngày 28/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch đô thị và nông thôn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập		
43.	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị và nông thôn thuộc (đối	- Đối với quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch: Ủy ban nhân dân	- Đối với quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch: Ủy ban nhân dân	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích;	- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 144/2025/QH15;	UBND cấp xã	Quyết định số 2754/QĐ-UBND ngày 29/8/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thực thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
	với quy hoạch chi tiết do Nhà đầu tư tổ chức lập) (1.014158)	cấp tỉnh quy định trên cơ sở quy trình xử lý nội bộ của cấp phê duyệt và không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với quy hoạch tổng mặt bằng: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	cấp tỉnh quy định trên cơ sở quy trình xử lý nội bộ của cấp phê duyệt và không quá 7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với quy hoạch tổng mặt bằng: 7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.		Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng; - Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn; - Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; - Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;		

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					
						- Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; - Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.		
44.	Cung cấp thông tin về hồ sơ cắm mốc, thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn (1.014159)	Không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu	Không quá 5 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu	Không	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; Qua dịch vụ Bưu chính công ích; Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	- Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13; - Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15; - Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn.- Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.	UBND cấp xã	Quyết định số 2754/QĐ-UBND ngày 29/8/2025

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
		Trước cắt giảm	Sau cắt giảm					

** **Ghi chú:** Các TTHC trong danh mục trên được thực hiện tiếp nhận và trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi thành phố.*